

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Tám**.
2. Bà **Đặng Thị Tiềm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành Lộc** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A.**

Địa chỉ: Số 22 Ngô Quyền, phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình M** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng N** – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc Tài sản – Ngân hàng TMCP A.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1/ Ông Huỳnh Ngọc H - Giám đốc KH. (vắng mặt)

2/ Bà Đoàn Diệu T - Chuyên viên tố tụng. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Lầu 2, số 264E Lê Văn Sỹ, phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Trần Phúc C**, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 05, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2023, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Diệu T trình bày: Vợ chồng ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X có ký Hợp đồng cho vay số 095/2020/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 27/3/2020 để vay vốn của Ngân hàng TMCP A (gọi tắt là “PV comBank”) với số tiền vốn vay là 770.000000 đồng, lãi suất phát vay là 8,99%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 72 tháng được tính từ ngày 30/3/2020, mục đích vay mua xe ô tô CHEVROLET TRAILBLAZER, màu đen, biển kiểm soát 63A-138.12; Khế ước nhận nợ và ngày giải ngân là 30/3/2020. Để đảm bảo cho khoản nợ vay nêu trên, phía ông C và bà X đã đăng ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 095/2020/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 27/3/2020 để thế chấp tài sản là xe ô tô hiệu CHEVROLET, loại TRAILBLAZER, màu sơn đen, số khung MMM156MM0KH640161, số máy LP2G183241270, biển kiểm soát 63A-138.12, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031131 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/3/2020 cho ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X. Tài sản đảm bảo đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/3/2020. Sau khi nhận được số tiền giải ngân, ông C và bà X đã trả được 476.289.880 đồng, trong đó trả nợ gốc là 300.014.294 đồng, đã trả nợ lãi là 176.275.586 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, ông C và bà X đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. PVcomBank đã gửi Thông báo số 1555/PVB-QL&TCTTS ngày 01/3/2023 về việc thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông C và bà X. Trong quá trình xử lý khoản vay tại PVcomBank, ông C và bà X đã bàn giao tài sản bảo đảm là xe ô tô CHEVROLET TRAILBLAZER biển kiểm soát 63A-138.12 cho PVcomBank để xử lý khoản vay. Ngày 09/7/2024, PVcombank đã tiến hành thu nợ từ số tiền bán đấu giá tài sản của ông C và bà X. Ngày 11/7/2024, PVcomBank gửi Thông báo về kết quả xử lý tài sản bảo đảm cho ông C và bà X. Theo đó, sau khi trừ đi các chi phí trong quá trình bán đấu giá xe CHEVROLET TRAILBLAZER biển kiểm soát 63A-138.12 thì số tiền PVcombank đã thu hồi một phần khoản vay của ông C và bà X như sau: Tổng thu 518.725.600 đồng (trong đó: Thu nợ gốc: 469.985.706 đồng, Thu nợ lãi: 48.739.894 đồng). Do đó, tính đến ngày 10/7/2024, dư nợ khoản vay ông C và bà X như sau: Gốc : 0 đồng, Tổng lãi : 119.475.084 đồng (Trong đó số tiền lãi trong hạn là 54.997.103 đồng, lãi quá hạn là 53.630.815 đồng, lãi chậm trả là 10.847.166 đồng). Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A tổng cộng số tiền lãi là 119.475.084 đồng (Trong đó số tiền lãi trong hạn là 54.997.103 đồng, lãi quá hạn là 53.630.815 đồng, lãi chậm trả là 10.847.166 đồng). Khi bản án có hiệu lực pháp luật nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông C và bà X chậm thực hiện nghĩa vụ thì

yêu cầu phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

* Bị đơn ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X. Xét thấy, bị đơn ông C và bà X đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông C và bà X.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Diệu T: yêu cầu ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A tổng cộng số tiền lãi là 119.475.084 đồng (Trong đó số tiền lãi trong hạn là 54.997.103 đồng, lãi quá hạn là 53.630.815 đồng, lãi chậm trả là 10.847.166 đồng). Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP A là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Diệu T xác định phía vợ chồng ông C và bà X có ký Hợp đồng cho vay số 095/2020/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 27/3/2020 để vay vốn của Ngân hàng TMCP A với số tiền vốn vay là 770.000000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô CHEVROLET TRAILBLAZER, màu đen, biển kiểm soát 63A-138.12. Để đảm bảo cho khoản nợ vay nêu trên, phía ông C và bà X đã đăng ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 095/2020/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 27/3/2020 để thế chấp tài sản là xe ô tô hiệu CHEVROLET, loại TRAILBLAZER, màu sơn đen, số khung MMM156MM0KH640161, số máy LP2G183241270, biển kiểm soát 63A-138.12, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031131 do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/3/2020 cho ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X. Tài sản đảm bảo đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/3/2020. Sau khi nhận được số tiền giải ngân, ông C và bà X đã trả được 476.289.880 đồng, trong đó trả nợ gốc là 300.014.294 đồng, đã trả nợ lãi là 176.275.586 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, ông C và bà X đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP A đã gửi Thông báo số 1555/PVB-QL&TCTTS ngày 01/3/2023 về việc thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông C và bà X. Trong quá trình xử lý khoản vay tại Ngân hàng TMCP A, ông

C và bà X đã bàn giao tài sản bảo đảm là xe ô tô CHEVROLET TRAILBLAZER biển kiểm soát 63A-138.12 cho Ngân hàng TMCP A để xử lý khoản vay. Ngày 09/7/2024, Ngân hàng TMCP A đã tiến hành thu nợ từ số tiền bán đấu giá tài sản của ông C và bà X. Ngày 11/7/2024, Ngân hàng TMCP A gửi Thông báo về kết quả xử lý tài sản bảo đảm cho ông C và bà X. Theo đó, sau khi trừ đi các chi phí trong quá trình bán đấu giá xe CHEVROLET TRAILBLAZER biển kiểm soát 63A-138.12 thì số tiền Ngân hàng TMCP A đã thu hồi một phần khoản vay của ông C và bà X như sau: Tổng thu 518.725.600 đồng (trong đó: Thu nợ gốc: 469.985.706 đồng, Thu nợ lãi: 48.739.894 đồng). Do đó, tính đến ngày 10/7/2024, dư nợ khoản vay ông C và bà X như sau: Gốc : 0 đồng, Tổng lãi : 119.475.084 đồng (Trong đó số tiền lãi trong hạn là 54.997.103 đồng, lãi quá hạn là 53.630.815 đồng, lãi chậm trả là 10.847.166 đồng). Trong quá trình vay ông C và bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận với Ngân hàng. Phía nguyên đơn Ngân hàng cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là phía ông C và bà X có vay tiền của Ngân hàng cụ thể là Hợp đồng cho vay số số 095/2020/HĐTD/PVB-CN.GV ngày 27/3/2020, Khế ước nhận nợ ngày 30/3/2020, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 095/2020/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 27/3/2020, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031131 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/03/2020, Phiếu yêu cầu, Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, Biên bản bàn giao tài sản ngày 08/5/2024, Thông báo xử lý tài sản số 742/TB-PVB ngày 28/5/2024, Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 28/5/2024, Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 04/7/2024, Thông báo kết quả cuộc đấu giá số 6.17-2/2024/CV-VAAHCM ngày 04/7/2024, Thông báo kết quả xử lý tài sản bảo đảm và yêu cầu trả nợ số 5351/TB-PVB ngày 11/7/2024, Bảng kê tính lãi; nên yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP A là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phía bị đơn ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông C và bà X đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông C và bà X phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn ông C và bà X đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay và lãi đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn ông C và bà X đã thừa nhận số tiền lãi còn nợ mà phía nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn ông C và bà X phải có nghĩa vụ trả, nên ông C và bà X không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn ông C và bà X cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn ông C và bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi đối với nguyên đơn, nên cần buộc phía bị đơn ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng

TMCP A tổng cộng số tiền lãi là 119.475.084 đồng (Trong đó số tiền lãi trong hạn là 54.997.103 đồng, lãi quá hạn là 53.630.815 đồng, lãi chậm trả là 10.847.166 đồng).

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn ông C và bà X phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn là 119.475.084 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên ông C và bà X phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.973.700 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Diệu T.

Buộc ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A tổng cộng số tiền lãi là 119.475.084 đồng (Trong đó số tiền lãi trong hạn là 54.997.103 đồng, lãi quá hạn là 53.630.815 đồng, lãi chậm trả là 10.847.166 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông C và bà X chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.973.700 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A 12.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng TMCP A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018729 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trần Phúc C và bà Nguyễn Thị X thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã lý)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Sơn